

Số: *96* GP-STNMT.NBHD

Nghệ An, ngày *19* tháng *M* năm 2021

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 6/9/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn 2035;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Ban quản lý cảng cá Nghệ An và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước - Biển và Hải đảo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban quản lý cảng cá Nghệ An, khối Hải Giang 2, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: sông Hoàng Mai khu vực phía Đông cảng cá tại phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

2. Vị trí xả thải: Cảng cá Quỳnh Phương, phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°):



X = 2127879 (m); Y = 604713 (m)

(Có sơ đồ khu vực xả thải kèm theo)

3. Phương thức xả thải: Tự chảy, nước thải của Cảng cá Quỳnh Phương sau khi được xử lý đạt QCVN về nước thải chế biến thủy sản được dẫn ra sông Hoàng Mai khu vực phía Đông cảng cá tại phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

4. Chế độ xả thải: Liên tục, chu kỳ xả: 02 lần/ngày.đêm. Thời gian xả thải trong 01 chu kỳ: 02 giờ/lần.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 29,44 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản;

- Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B);

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị đo | QCVN 11-MT:2015/BTNMT (Cột B) |
|----|-----------------------------|-----------|-------------------------------|
| 1 | pH | - | 5,5 - 9 |
| 2 | BOD ₅ | mg/l | 50 |
| 3 | COD | mg/l | 150 |
| 4 | TSS | mg/l | 100 |
| 5 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 20 |
| 6 | Tổng Nitơ (tính theo N) | mg/l | 60 |
| 7 | Tổng Phốt pho (tính theo P) | mg/l | 20 |
| 8 | Tổng dầu mỡ ĐTV | mg/l | 20 |
| 9 | Clo dư | mg/l | 2 |
| 10 | Coliforms | MNP/100ml | 5000 |

7. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) tính từ ngày cấp phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ban quản lý cảng cá Nghệ An:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nguồn nước tiếp nhận:

a) Đối với nước thải: Quy chuẩn áp dụng nước thải sinh hoạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B);

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí trước khi xử lý nước thải, 01 vị trí sau khi xử lý nước thải;

- Thông số quan trắc: pH; BOD₅; COD; TSS; Amoni; Tổng N; Tổng P; Dầu mỡ ĐTV; Clo dư và Coliforms.

- Tần suất 3 tháng/lần.

b) Đối với nguồn tiếp nhận: Áp dụng quy chuẩn nước mặt QCVN 08 - MT:2015/BTNMT cột B₁.

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số quan trắc: pH; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Ôxy hoà tan (DO); BOD; COD; Amoni (tính theo N); sunfua; Coliform.

- Tần suất 6 tháng/lần (2 lần/năm).

3. Hằng năm (trước 30 tháng 01), tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước.

5. Cải tạo, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã nêu trong Đề án xả nước thải vào nguồn nước và cam kết bảo vệ môi trường mới được xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Trong quá trình hoạt động, thực hiện quy trình xử lý nước thải đảm bảo nồng độ các chất được quy định trong nội dung giấy phép và các Quy chuẩn Việt Nam có liên quan; bảo vệ môi trường nguồn tiếp nhận nước thải.

6. Điều chỉnh quy trình công nghệ, hệ thống xử lý đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý phù hợp với mục tiêu chất lượng nguồn nước tiếp nhận do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và các cơ quan chức năng ở địa phương để có biện pháp xử lý nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do xả thải gây ra.

Điều 3. Ban quản lý cảng cá Nghệ An được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1, Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban quản lý cảng cá Nghệ An còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Trung tâm PVIICC tỉnh;
- UBND thị xã Hoàng Mai;
- UBND phường Quỳnh Phương;
- Ban quản lý cảng cá Nghệ An;
- Lưu VT, HS cấp phép.

(dề b/c)



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Ngọc